

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

MẪU HỢP ĐỒNG

Hà Nội, ngày ____ tháng ____ năm 2026

Số: _____

Gói số 04-2026/CN-XNKT+CNHN: Cung cấp dịch vụ bốc dỡ than nhập khẩu bằng cầu nổi Quý IV năm 2026 tại các cảng/ khu neo thuộc tỉnh Quảng Ninh.

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Quyết định số ____ T/QĐ-CLM ngày ____ tháng 09 năm 2026 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp, Gói số 04-2026/CN-XNKT+CNHN: Cung cấp dịch vụ bốc dỡ than nhập khẩu bằng cầu nổi Quý IV năm 2026 tại các cảng/ khu neo thuộc tỉnh Quảng Ninh và Thông báo chấp thuận HSĐX và trao hợp đồng ngày ____ tháng ____ năm 2026 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A):

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN – VINACOMIN
(COALIMEX)**

Địa chỉ: số 47 Quang Trung, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 3 942 4634

Fax: 024 3 942 2350

E-mail: xnkt@coalimex.vn

Tài khoản: 0011000013294

tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Sở giao dịch

Mã số thuế: 0100100304

Đại diện là ông: Phạm Minh

Chức vụ: Giám đốc

Nhà cung cấp (sau đây gọi là Bên B):

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Tại Ngân hàng _____

Mã số thuế: _____

Đại diện: _____

Chức vụ: _____

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là cung cấp dịch vụ bốc dỡ than nhập khẩu bằng cầu nổi từ tàu biển (tàu mẹ) xuống sà lan, phương tiện thủy tại vùng chuyển tải, được nêu chi tiết tại khoản 1 Điều 3 của Hợp đồng này.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục bảng giá hợp đồng; và các phụ lục khác được hai bên ký kết trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có);
2. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp;
3. HSDX và các văn bản làm rõ HSDX của nhà cung cấp trúng thầu (nếu có);
4. HSYC và các tài liệu sửa đổi HSYC (nếu có);
5. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Hàng hoá, khối lượng, địa điểm bốc dỡ

1. Hàng hoá bốc dỡ: Các loại than nhập khẩu (hàng rời).

Công việc bốc dỡ than nhập khẩu theo hợp đồng này bao gồm:

a) Bốc dỡ than nhập khẩu bằng cầu nổi từ tàu biển (tàu mẹ) xuống sà lan, phương tiện thủy tại vùng chuyển tải quy định tại khoản 3 Điều này theo sự điều hành của Chủ đầu tư, đảm bảo công tác bốc dỡ than nhập khẩu kịp thời theo đúng tiến độ của Công ty CP Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex) đã ký kết với khách hàng, an toàn, hiệu quả.

b) Thu xếp dụng cụ chống va, đảm bảo các quy định khi cập mạn tàu nhập khẩu và bốc dỡ sang mạn cho phương tiện chuyển tải theo yêu cầu của Bên A. Đánh tẩy, vun gom than dưới hầm tàu đảm bảo bốc dỡ hết toàn bộ than trên tàu biển.

2. Khối lượng bốc dỡ: 400.000 tấn $\pm 10\%$ (lựa chọn của Chủ đầu tư). Hàng hoá được bốc dỡ căn cứ hợp đồng mua bán than giữa Bên A và đơn vị cung cấp hàng hoá cho Bên A. Khối lượng bốc dỡ sẽ được Bên A thông báo trước cho Bên B. Bên B phải đảm bảo năng lực bốc dỡ bằng cầu nổi đáp ứng yêu cầu theo thông báo của Bên A.

Trong quá trình thực hiện, tùy theo nhiệm vụ và điều kiện sản xuất, khối lượng thực hiện có thể thay đổi theo nhu cầu sản xuất kinh doanh của Bên A. Không quy định thưởng/phạt đối với khối lượng giảm giữa khối lượng thực tế phát sinh và khối lượng theo Hợp đồng. Bên A sẽ không chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với Bên B trong trường hợp thay đổi khối lượng thực hiện.

3. Địa điểm thực hiện công việc: các cảng/ khu neo thuộc tỉnh Quảng Ninh (chủ yếu Cảng Cẩm Phả và/hoặc khu neo Hòn Miêu, Quảng Ninh).

Điều 4. Thời gian thực hiện hợp đồng

1. Thời gian thực hiện hợp đồng: 03 tháng (Từ tháng 10/2026 đến hết 31/12/2026).
2. Đối với những chuyến hàng mà công việc bốc dỡ được thực hiện trong thời gian thực hiện hợp đồng nêu trên nhưng việc dỡ hàng kết thúc sau ngày 31/12/2026 thì thời gian thực hiện sẽ kéo dài cho đến khi hoàn thành việc dỡ hàng của những chuyến hàng đó.

Điều 5. Nhân sự, thiết bị, máy móc thực hiện công việc

1. Nhân sự: Nhân sự vận hành cầu nổi và các máy móc thiết bị phục vụ việc dỡ hàng phải được đào tạo nghề nghiệp, có đầy đủ bằng cấp/chứng chỉ điều khiển, vận hành máy móc, thiết bị theo quy định của Pháp luật; phải được tập huấn an toàn, vệ sinh lao động và đạt yêu cầu theo quy định.

2. Thiết bị, máy móc: Tàu cần cầu/ Cầu nổi, Máy xúc, máy ủi, gầu ngoạm dự phòng và máy móc thiết bị khác (nếu cần thiết).

Thiết bị phục vụ việc dỡ hàng phải có đủ điều kiện thực hiện công việc, trong tình trạng hoạt động tốt và đầy đủ giấy tờ, hồ sơ pháp lý theo quy định của pháp luật. Hiệu lực của các giấy tờ, hồ sơ pháp lý này phải có giá trị ít nhất đến ngày hoàn thành việc dỡ hàng tại địa điểm dỡ hàng.

Bên B chịu hoàn toàn chi phí và rủi ro đối với nhân sự và thiết bị, máy móc huy động phục vụ việc dỡ hàng.

Bên B bảo đảm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về an toàn lao động cho con người, tài sản, máy móc, thiết bị của Bên B tham gia hoạt động dỡ hàng cũng như an toàn cho người, phương tiện, tài sản của các bên liên quan trong quá trình làm việc tại địa điểm dỡ hàng.

Bên B tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường theo các quy định hiện hành của nhà nước về môi trường.

Điều 6: Năng suất bốc dỡ

Năng suất bốc dỡ: Bên B cam kết tốc độ bốc dỡ bằng cầu nổi tối thiểu 7.000 tấn/ngày cho mỗi tàu biển (01 ngày = 24 giờ) cho 7 ngày/tuần, bao gồm cả thứ bảy, Chủ nhật và ngày lễ (trừ trường hợp bất khả kháng) trong điều kiện:

- Hàng hoá đã hoàn thành các thủ tục nhập khẩu và sẵn sàng để dỡ hàng.
- Đầy đủ phương tiện chuyển tải trong tình trạng sẵn sàng nhận hàng: Cập mạn tàu mẹ, hoàn thành toàn bộ các thủ tục để nhận hàng: giám định mớn nước, giám định hầm hàng, mở nắp hầm hàng, tính toán phương án xếp hàng...
- Toàn bộ thiết bị trên tàu liên quan đến việc dỡ hàng đều hoạt động đúng công suất thiết kế và không bị trục trặc.
- Thời gian bắt đầu làm hàng để tính năng suất bốc dỡ là ngay sau khi tàu biển đã được giám định mớn nước, Bên A hoàn thành tất cả các thủ tục, thông báo cho Bên B

sẵn sàng làm hàng.

- Thời gian kết thúc làm hàng là khi toàn bộ hàng hoá trên tàu biển đã được bốc dỡ xong.

Cụ thể các thời gian sau không tính vào thời gian làm hàng bao gồm:

- Thời gian Tàu di chuyển từ Trạm Hoa Tiêu đến khu neo đậu an toàn để dỡ hàng, bao gồm thời gian Tàu đợi thủy triều và đợi làm thủ tục nhập cảnh hoặc bất cứ thời gian di chuyển và neo đậu nào của Tàu.

- Thời gian mở/đóng nắp hầm tàu và thời gian ngưng làm hàng do thời tiết xấu, mưa và thời gian bơm/xả nước dẫn tàu.

- Thời gian đo mớn, kiểm tra tàu.

- Thời gian giám định mớn đầu, giữa, cuối của tàu biển.

- Thời gian chờ đợi phương tiện nhận hàng.

- Thời gian chờ thủ tục thông quan, nếu có.

- Bất cứ khoảng thời gian nào ngưng làm hàng do tranh chấp lao động, bạo động, tạm ngưng, ngưng làm việc có liên quan đến thuyền trưởng, các sĩ quan, thủy thủ tàu, tàu lai hoặc hoa tiêu, hay bất cứ khoảng thời gian nào ngưng làm hàng do bất khả kháng quy định trong hợp đồng này thì không được tính vào thời gian làm hàng.

Các nội dung khác (nếu có) sẽ được hai bên thống nhất căn cứ trên nội dung của Hợp đồng nhập khẩu.

Thời gian làm việc liên tục 24 giờ/ngày, 7 ngày/tuần kể cả ngày lễ, thứ bảy và chủ nhật, khi có đầy đủ các điều kiện xếp dỡ hàng hóa (thời tiết, phương tiện chuyển tải,...).

Trường hợp vì nguyên nhân không bố trí được nhân lực, phương tiện, thiết bị bốc dỡ hoặc phương tiện, thiết bị bốc dỡ không đủ năng lực vận hành và các nguyên nhân khác do lỗi của Bên B dẫn đến việc không đảm bảo năng suất bốc dỡ, Bên A bị phạt tiền độ, thì Bên B có nghĩa vụ và trách nhiệm phải bồi thường toàn bộ phần thiệt hại có liên quan cho Bên A. Giá trị bồi thường thiệt hại căn cứ biên bản phạt chậm tiến độ dỡ hàng của Bên A với nhà cung cấp than nhập khẩu cho từng tàu biển (không thưởng).

Điều 7: Đơn giá bốc dỡ, giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Đơn giá bốc dỡ than bằng cầu nổi: _____ đồng/tấn.

Đơn giá trên đã bao gồm các thuế, phí, lệ phí (nếu có) liên quan để thực hiện nội dung công việc của Hợp đồng này, chưa bao gồm thuế GTGT.

Thuế GTGT: tại thời điểm NCC chào hàng, mức thuế suất thuế GTGT trong đơn giá chào hàng là 8%. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, thuế GTGT áp dụng theo Luật thuế GTGT và các quy định, hướng dẫn hiện hành của Nhà nước cũng như các sửa đổi, bổ sung có liên quan do Nhà nước ban hành (nếu có) tại từng thời điểm.

Bên B có trách nhiệm, nghĩa vụ nộp và thực hiện toàn bộ các khoản thuế, phí và các chi phí này với các cơ quan chức năng của Nhà nước.

2. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

3. Giá hợp đồng: _____ đồng (Bằng chữ: _____)

Giá hợp đồng đã bao gồm thuế GTGT và toàn bộ các chi phí về thuế, phí, lệ phí và chi phí dự phòng. Chi tiết như Phụ lục 01 kèm theo.

4. Điều chỉnh thuế: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế của Nhà nước có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và Bên B xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh tương ứng vào giá hợp đồng.

5. Khối lượng thanh toán: là khối lượng than thực tế được bốc dỡ xuống sà lan, phương tiện thủy được xác định bằng phương thức giám định món nước các phương tiện áp mạn chuyển tải tại địa điểm bốc dỡ hàng hoá nêu ở Khoản 3, Điều 3 Hợp đồng này và được thể hiện tại Bản xác nhận khối lượng than của các đơn vị tham gia nhận than hoặc kết quả giám định khối lượng do Công ty cổ phần giám định – Vinacomin (Quacontrol) hoặc đơn vị giám định khác do Bên A chỉ định phát hành.

6. Giá trị thanh toán = Khối lượng thanh toán x Đơn giá hợp đồng

7. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

b) Đồng tiền thanh toán: đồng Việt Nam

c) Thời hạn thanh toán: Bên A thanh toán tiền chi phí bốc dỡ than bằng cầu nổi từ tàu biển (tàu mẹ) xuống sà lan, phương tiện thủy cho Bên B trong vòng 30 ngày kể từ ngày hoàn thành việc dỡ hàng và Bên B đã cung cấp đủ chứng từ thanh toán cho Bên A.

d) Chứng từ thanh toán gồm :

- Hoá đơn GTGT chi phí bốc dỡ.
- Biên bản xác nhận khối lượng công việc hoàn thành.
- Biên bản quyết toán khối lượng và giá trị thanh toán.
- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có).

Điều 8. Trách nhiệm của Bên A

- Thông báo kịp thời cho Bên B bằng văn bản/email trước 7/5/3/2 ngày và 24 giờ về lịch tàu biển sẵn sàng làm hàng để Bên B chuẩn bị và bố trí sắp xếp nhân lực, phương tiện nhận hàng kịp thời. Lịch tàu biển có thể được thông báo tới Bên B bởi Bên A hoặc Đại lý tàu biển. Nếu Bên A vi phạm nghĩa vụ thông báo dẫn đến việc nhận hàng không đúng tiến độ như đã thỏa thuận thì Bên B sẽ không phải chịu trách nhiệm về tiến độ bốc dỡ như đã cam kết tại điều 1 của hợp đồng.

- Bên A hoặc Đại lý tàu biển sẽ thông báo cho Bên B tất cả các thông tin liên quan đến hàng hóa, tàu bao gồm nhưng không giới hạn thông tin về số lượng, sơ đồ hầm hàng, khối lượng hàng hóa sẽ dỡ, người nhận hàng chậm nhất 24 giờ trước khi tàu neo làm hàng tại Khu vực Quảng Ninh.

- Bên A chịu trách nhiệm và bằng chi phí của mình bố trí đầy đủ phương tiện giao nhận hàng hóa để đảm bảo năng suất dỡ hàng. Phương tiện vận tải của Bên A phải phù hợp với pháp luật, quy định và tiêu chuẩn được áp dụng

- Bên A chịu trách nhiệm và bằng chi phí của mình thuê đơn vị giám định thực hiện giám định ban đầu, giám định cho mỗi bên nhận hàng và giám định cuối cùng.

- Đảm bảo tính pháp lý của lô hàng.

- Thanh toán cho bên B đầy đủ và đúng thời hạn toàn bộ 100% số tiền bốc dỡ theo quy định của Hợp đồng. Bên B sẽ tạm ngừng cung cấp dịch vụ, tiếp nhận tàu nếu bên A không thanh toán đầy đủ, đúng hạn theo Hợp đồng này.

- Thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ quy định tại các điều khoản khác của hợp đồng này.

Điều 9. Trách nhiệm bên B

- Bên B cử cán bộ điều hành sản xuất có đủ thẩm quyền thường xuyên có mặt tại tàu để xử lý những tranh chấp có thể phát sinh trong quá trình tác nghiệp sản xuất, đảm bảo sự công bằng, quyền và lợi ích của cả hai bên, ký các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến việc thực hiện dịch vụ bốc dỡ than.

- Phối hợp với Bên A trong quá trình vận hành và phối hợp, hỗ trợ nếu Bên A cần lắp đặt thiết bị giám sát dỡ hàng (camera).

- Bên B sẽ thu xếp nhân công, máy móc thiết bị trong tình trạng làm việc tốt/ phù hợp để dỡ hàng từ tàu biển xuống phương tiện chuyển tải của Bên A.

- Bên B phải tự khảo sát điều kiện tiếp nhận đối với khu vực neo chuyển tải, tự đảm bảo việc vận hành cầu nổi và bố trí máy móc, thiết bị làm hàng tại khu vực trên phù hợp, đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định an toàn về làm hàng. Bên B phải đền bù toàn bộ thiệt hại nếu gây hư hỏng (tàu biển) tàu mẹ và/hoặc các tàu/ sà lan chuyển tải của Bên A.

- Bố trí đầy đủ công nhân, thiết bị, công cụ bốc dỡ và trong quá trình bốc dỡ phải tuân thủ theo yêu cầu của Bên A và theo quy định của pháp luật Việt Nam, đảm bảo quá trình làm hàng diễn ra liên tục 24h/ngày tất cả các ngày làm việc trong tuần kể cả ngày lễ, thứ 7 và chủ nhật (khi có đủ các điều kiện để xếp dỡ hàng hóa) nhằm giải phóng tàu biển nhanh nhất;

- Bên B phải tự đảm bảo và chỉ điều động các thiết bị, nhân công làm việc trên tàu biển quốc tế đáp ứng được đầy đủ các điều kiện theo đúng quy định của cơ quan chức năng.

- Bảo quản hàng hóa trong quá trình bốc dỡ cả về chất lượng lẫn số lượng.

- Chịu chi phí cung cấp nhiên liệu, dầu mỡ, nhớt cho hoạt động của toàn bộ phương tiện cơ giới của mình, đồng thời chịu mọi chi phí sửa chữa và bảo dưỡng thường xuyên, định kỳ nhằm đảm bảo phương tiện cơ giới luôn trong tình trạng tốt, sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu sản xuất của Bên A.

- Tự chịu mọi trách nhiệm và thanh toán các chi phí có liên quan bao gồm: Chi phí bảo hiểm thiết bị dỡ hàng, thiết bị gom vét, hút quét; Chi phí thuê nhân công, chi phí bảo hiểm cho người lao động. Bảo đảm và chịu trách nhiệm về an toàn lao động cho con người, an toàn cho tài sản, máy móc, thiết bị tham gia vào hoạt động dỡ hàng trong quá trình thực hiện hợp đồng, cũng như an toàn cho người, tài sản của bên thứ ba tại địa điểm dỡ hàng trong quá trình thực hiện hợp đồng. Tự chịu mọi trách nhiệm đối với rủi ro tai nạn xảy ra (nếu có) liên quan đến nhân công lao động và thiết bị của Bên B.

- Máy móc, thiết bị phục vụ dỡ hàng có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn phải được kiểm định trước khi đưa vào sử dụng, và kiểm định định kỳ, thường xuyên trong quá trình thực hiện hợp đồng.

- Trong trường hợp Bên A phát hiện dấu hiệu mất an toàn lao động hoặc vi phạm nguyên tắc, quy định về an toàn của Bên B, Bên A có quyền tạm dừng hoặc đình chỉ việc dỡ hàng để Bên B xử lý, khắc phục, bảo đảm an toàn lao động trước khi việc dỡ hàng được tiếp tục tiến hành.

- Trong mọi trường hợp, Bên A không chịu trách nhiệm pháp lý về những rủi ro đối với Bên B cũng như bên thứ ba trong quá trình thực hiện hợp đồng phát sinh từ việc không bảo đảm an toàn lao động của Bên B như tai nạn, hỏng, hư hại, mất mát, thiệt hại về người, máy móc, thiết bị, tài sản và các rủi ro khác.

Điều 10. Bồi thường thiệt hại

Bên B không bố trí được nhân sự, máy móc, thiết bị bốc dỡ hoặc nhân sự, máy móc, thiết bị bốc dỡ không đủ năng lực vận hành và các nguyên nhân khác do lỗi của Bên B dẫn đến việc Bên A bị phạt tiền độ thì Bên B có nghĩa vụ và trách nhiệm phải bồi thường toàn bộ phần thiệt hại cho Bên A. Giá trị bồi thường thiệt hại căn cứ theo biên bản phạt chậm tiến độ dỡ hàng của từng chuyến hàng giữa Bên A với nhà cung cấp than nhập khẩu theo từng chuyến tàu biển. Không thưởng. Tiền bồi thường (nếu có) được trừ vào giá trị thanh toán của chuyến hàng đó và thể hiện trong biên bản xác nhận giá trị thanh toán.

Đền bù toàn bộ thiệt hại nếu gây hư hỏng (tàu biển) tàu mẹ và/hoặc các tàu/sà lan chuyển tải của Bên A.

Trong trường hợp cần thiết, Bên B có trách nhiệm bố trí các loại gàu ngoạm đảm bảo độ kín khít để không làm rơi vãi than trong quá trình bốc dỡ. Đặc biệt lưu ý bộ phận gom vét thủ công, công nhân dùng xẻng, chổi rể để vun gom hút vét sạch sẽ đảm bảo bốc dỡ hết hoàn toàn than tại các góc hầm hàng của tàu biển. Chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A nếu có phát sinh hao hụt do lỗi/ sai sót của Bên B.

Điều 11. Bất khả kháng

1. Sự kiện bất khả kháng là bất kỳ sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống nào xảy một cách khách quan sau khi ký Hợp đồng này, không thể khắc phục được, nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các Bên, làm Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được một phần hay toàn bộ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

2. Sự kiện bất khả kháng bao gồm các sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống hoặc tương tự các sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống như liệt kê dưới đây và thỏa mãn các quy định tại khoản 1 Điều 11 này:

a) Bão, gió lốc, lũ lụt, hạn hán, động đất, sóng thần, thời tiết khắc nghiệt bất thường hoặc bất kỳ một thiên tai nào khác;

b) Hoả hoạn, nổ, dịch bệnh phải cách ly theo quy định của các cơ quan chức năng;

c) Chiến tranh (tuyên bố hoặc không tuyên bố), xâm lược, xung đột vũ trang, hoặc các hành động thù địch của nước ngoài;

d) Hành động khủng bố, phong tỏa, cấm vận, bạo loạn, nổi loạn, phá hoại;

đ) Bãi công, đình công, tấn công, phong tỏa mỏ than, nhà máy;

e) Quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Khi xảy ra sự kiện Bất khả kháng, Bên bị ảnh hưởng phải thông báo cho Bên kia trong thời gian sớm nhất về sự kiện đó. Trong vòng 05 (năm) ngày kể từ khi bắt đầu xảy ra sự kiện, Bên bị ảnh hưởng phải thông báo bằng văn bản cho Bên kia đầy đủ, chi tiết về việc xảy ra sự kiện đó cũng như tác động của nó đối với Bên bị ảnh hưởng trong việc thực hiện Hợp đồng và kiến nghị các biện pháp khắc phục. Văn bản thông báo phải được gửi kèm với văn bản của một cơ quan có thẩm quyền tại nơi xảy ra Bất khả kháng xác nhận đã xảy ra sự kiện đó.

Trong vòng 02 (hai) ngày sau khi sự kiện Bất khả kháng chấm dứt, Bên bị ảnh hưởng phải thông báo cho Bên kia bằng văn bản về việc chấm dứt sự kiện đó. Trong vòng 07 (bảy) ngày tiếp theo Bên bị ảnh hưởng phải chuyển cho Bên kia văn bản xác nhận về sự kiện Bất khả kháng được cấp bởi một cơ quan có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện. Văn bản xác nhận Bất khả kháng phải mô tả sự kiện, địa điểm phát sinh, thời gian phát sinh và tồn tại, hậu quả và tác động ảnh hưởng của sự kiện này đối với việc thực hiện hợp đồng v.v.

Nếu Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng không thực hiện đầy đủ việc thông báo và cung cấp tài liệu về sự kiện đó theo quy định tại khoản này thì mất quyền được miễn trách nhiệm như quy định tại khoản 5 Điều 11 này.

4. Trong thời gian diễn ra sự kiện Bất khả kháng, Bên bị ảnh hưởng sẽ cung cấp các báo cáo thường xuyên cho Bên kia về việc triển khai các biện pháp khắc phục nhằm ngăn chặn hoặc giảm nhẹ những tác động của của sự kiện Bất khả kháng và các thông tin khác mà Bên kia yêu cầu một cách hợp lý. Các Bên vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ Hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng.

5. Ngoại trừ nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã được thực hiện trước thời điểm xảy ra Bất khả kháng và/hoặc các khoản tiền khác (nếu có), Bên vi phạm các nghĩa vụ theo Hợp đồng này do sự kiện Bất khả kháng sẽ được miễn trách nhiệm.

6. Nếu một Bên do sự kiện Bất khả kháng mà không thể thực hiện nghĩa vụ của mình quy định trong Hợp đồng này trong thời hạn 90 ngày liên tục kể từ ngày xảy ra sự kiện Bất khả kháng thì một trong các Bên có quyền gửi văn bản cho Bên kia trước ít nhất 15 (mười lăm) ngày để thông báo việc đơn phương chấm dứt hợp đồng. Hợp đồng được coi là chấm dứt vào ngày ghi trong văn bản thông báo.

Sau khi gửi văn bản thông báo chấm dứt Hợp đồng, các Bên phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ còn tồn đọng cho đến thời điểm chấm dứt Hợp đồng này, trừ các nghĩa vụ được miễn trách. Để tránh hiểu nhầm, trong mọi hoàn cảnh, không Bên nào được giải phóng khỏi nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nêu tại khoản 5 Điều 11 này dù Hợp đồng đã chấm dứt hay chưa.

Điều 12. Bảo mật thông tin, tài liệu

1. Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên A, Bên B không được tiết lộ nội dung của hợp đồng cũng như thông tin do Bên A hoặc đại diện của Bên A đưa ra cho bất cứ người nào không phải là người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. Việc nhà thầu cung cấp các thông tin cho người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng này.

2. Nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A, Bên B không được sử dụng bất cứ thông tin hoặc tài liệu nào quy định tại khoản 1 Điều 12 này vào mục đích khác trừ khi vì mục đích thực hiện hợp đồng.

Điều 13. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm:

a) Bên A có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng mà không gây tổn hại đến các biện pháp khắc phục vi phạm hợp đồng khác bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên B về sai phạm trong hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

- Bên B không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo hợp đồng;

- Bên B bị mất khả năng thanh toán hoặc phá sản;

- Có bằng chứng cho thấy Bên B đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng.

b) Trong trường hợp Bên A chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều 13 này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp

khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm đối với phần hợp đồng do mình thực hiện.

c) Bên B có thể chấm dứt hợp đồng bằng cách gửi văn bản thông báo cho Bên A trong vòng ba mươi (30) ngày trong các trường hợp sau đây:

- Nếu Bên A không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào phải trả cho Bên B theo Hợp đồng và không có tranh chấp theo khoản 5 Điều 16 Hợp đồng về việc này trong vòng sáu mươi (60) ngày sau khi nhận được thông báo bằng văn bản của Bên B về việc quá hạn thanh toán.

- Nếu vì lý do bất khả kháng, trong thời gian không dưới sáu mươi (60) ngày, Bên B không thể thực hiện được hợp đồng.

2. Chấm dứt hợp đồng do mất khả năng thanh toán

Trường hợp Bên B phá sản hoặc mất khả năng thanh toán, Bên A có thể chấm dứt hợp đồng vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo cho Bên B. Trong trường hợp đó, hợp đồng sẽ chấm dứt và Bên B không được bồi thường với điều kiện là việc chấm dứt hợp đồng không gây tổn hại hoặc ảnh hưởng đến bất kỳ quyền khởi kiện hoặc biện pháp khắc phục của Bên A trước đó hoặc sau đó.

Điều 14. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng.

2. Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bằng tiền gửi hoặc thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành.

3. Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 02% giá trị hợp đồng.

4. Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực bằng thời gian thực hiện hợp đồng + 30 ngày.

5. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A trong các trường hợp sau:

- Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng còn hiệu lực;
- Bên B vi phạm các thỏa thuận hợp đồng;
- Bên B chậm thực hiện hợp đồng do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

6. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B: trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên B hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Điều 15. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và Bên A đã nhận được Bảo đảm thực hiện Hợp đồng của Bên B.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên hoàn thành các nội dung công việc và các nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan theo các điều khoản và điều kiện quy định tại hợp đồng.

3. Hợp đồng được tự động thanh lý mà hai bên không cần lập thành văn bản sau 30 ngày kể từ khi hai bên hoàn thành các nội dung công việc và các nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan theo các điều khoản và điều kiện quy định tại hợp đồng.

Điều 16. Điều khoản chung

1. Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam.

2. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thoả thuận. Không bên nào được gây khó khăn hoặc cản trở bên kia thực hiện trách nhiệm và quyền lợi của mình quy định trong hợp đồng này.

3. Mọi thay đổi, bổ sung (nếu có) phải được bàn bạc, thống nhất và thể hiện bằng phụ lục hợp đồng ký giữa đại diện hợp pháp của hai bên mới có hiệu lực thực hiện.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu xảy ra vướng mắc, hai bên sẽ cùng hợp tác tìm biện pháp giải quyết trên cơ sở tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên và quyền lợi của Nhà nước.

5. Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến hợp đồng này mà hai bên không tự hoà giải được sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền tại thành phố Hà Nội. Mọi chi phí phát sinh do bên thua chịu trừ khi có thoả thuận khác.

6. Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bộ có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 (hai) bộ, Bên B giữ 02 (hai) bộ.

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC

Phạm Minh

PHỤ LỤC 01
PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG
(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm 2026)

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng/tấn)	Thành tiền (Đồng)
1	Bốc dỡ than nhập khẩu bằng cầu nổi tại các cảng/ khu neo thuộc tỉnh Quảng Ninh	Tấn	400.000		
2	Thuế giá trị gia tăng 8%				
	Cộng (1+2)				
	Dự phòng khối lượng phát sinh 10%				
	Giá hợp đồng				